

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày 03/4/2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vượng
2. Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1979 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. (Vắng mặt không có lý do).
Cùng trú tại: Thôn K, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong

tục địa phương, không bị ép buộc. Sau ngày cưới, chị và anh T về chung sống tại thôn C, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2000 vợ chồng chị mua đất và chuyển về chung sống tại thôn K, xã H, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Mai Thị H xác định chị và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 14/7/1998, cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 28/3/2009. Hiện nay cháu C đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu T và cháu T1 hiện nay đang ở cùng vợ chồng anh chị. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu T1, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H xác định chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh xác định về quá trình kết hôn, chung sống như chị H trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì. Nay chị H làm đơn ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn chị H suy nghĩ lại để cả hai có cơ hội đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh T xác định như chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn, cháu T và cháu T1 lựa chọn ở cùng ai anh đều nhất trí tôn trọng theo sự lựa chọn của các cháu.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: anh T xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2020, bà Nguyễn Thị D (hàng xóm liền kề) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị H và anh T như chị H trình bày là đúng. Khoảng mấy năm gần đây vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thế nào bà không nắm rõ.

Về con chung giữa chị H và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn C, sinh năm 1998, cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 2009. Hiện nay cháu C đã trưởng thành và đi làm ăn xa nhà còn cháu T và cháu T1 đang ở cùng vợ chồng chị H, anh T.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H, xử cho chị Mai Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 28/3/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Mai Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang vào năm 1997, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị H, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H, anh T xác định: Chị H và anh T kết hôn vào năm 1997. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn C, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2000 vợ chồng anh chị chuyển về chung sống tại thôn K, xã H, huyện Sơn Dương. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa phương chứng kiến việc chị H và anh T có mâu thuẫn với nhau. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không thể quay về đoàn tụ được. Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H

và anh T cũng được hàng xóm liền kề xác nhận. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: chị H và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 14/7/1998, cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 28/3/2009. Hiện nay cháu C đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, chị H đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu T và cháu T1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2019 cháu Nguyễn Thị Thanh T và cháu Nguyễn Thị Minh T1 đều khai có nguyện vọng muốn ở cùng với chị H. Anh T có quan điểm nhất trí với sự lựa chọn của các con, căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của cháu T và cháu T1, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu Nguyễn Thị Minh T và cháu Nguyễn Thị Thanh T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H và anh T cùng xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 28/3/2009 cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Mai Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0004330 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

